

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HS-ST
Ngày 21-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Sâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thái, ông Nguyễn Hữu Huân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2022/TLST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đỗ Văn B, sinh năm 1984 tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện L, tỉnh B; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 6/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn Q, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963; có vợ là Nguyễn Thị L (đã ly hôn) và có 02 con; gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là thứ hai trong gia đình.

Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2007 ngày 30/3/2007 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; năm 2008 bị Công an thành phố Bắc Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Tiền án:

- Bản án số 230/2011/HSST ngày 20/10/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, phạt bổ sung 5.000.000 đồng. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/12/2013; chấp hành xong án phí và hình phạt bổ sung ngày 28/11/2017.

- Bản án số 89/2017/HSST ngày 27/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Bản án số 26/2018/HS-ST ngày 04/6/2018 Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp với hình phạt 10 tháng tù của Bản án số 89/2017/HSST ngày 27/12/2017, B phải chấp hành hình phạt của 02 bản án là 20 tháng tù.

- Bản án số 29/2018/HS-ST ngày 06/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt 12 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp với 20 tháng tù tại bản án số 26/2018/HS-ST ngày 04/6/2018, B phải chấp hành hình phạt chung là 32 tháng tù.

- Bản án số 38/2018/HS-ST ngày 22/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt với 32 tháng tù của bản án số 29/2018/HS-ST ngày 06/7/2018, B phải chấp hành hình phạt chung là 44 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/5/2021.

Tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2021 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Lục Nam. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn V, sinh năm 1992 tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh B; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 8/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1969 và bà Đậu Thị P, sinh năm 1972; gia đình bị cáo có 02 anh em ruột, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình.

Nhân thân: Bản án số 05/2015/HSST ngày 22/01/2015 Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xử phạt 42 tháng tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong án phí ngày 01/4/2015; chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/2/2018.

Tiền án: Bản án số 26/2011/HSST ngày 20/4/2011, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xử phạt 36 tháng tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy”, phạt bổ sung 5.000.000 đồng. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/12/2013; chưa chấp hành hình phạt bổ sung.

Tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 09/QĐ-XPHC ngày 02/11/2021 của Công an thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2021 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Lục Nam. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***Bị hại:**

1. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: thôn N, xã N, huyện L, tỉnh B.

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: thôn B, xã C, huyện L, tỉnh B.

3. Anh Trương Quốc Đ, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã N, huyện L, tỉnh B.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Bá H, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: thôn M, xã C, huyện L, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn V và Đỗ Văn B quen biết nhau từ trước và đều là những đối tượng nghiện ma túy, đã có tiền án, tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản. Để có tiền ăn tiêu cá nhân, trong các ngày 14 và 15/12/2021, V và B đã cùng nhau thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Lục Nam. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 14/12/2021, B gặp V tại khu vực cầu Lục Nam, cả hai rủ nhau đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền ăn tiêu cá nhân. B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius mang biển kiểm soát (BKS) 98F9 - ***** chở V đi theo Quốc lộ 31 hướng Phương Sơn - Lục Nam quan sát ai để tài sản sơ hở thì trộm cắp. Khi đi đến khu vực phố S, xã P, B và V phát hiện thấy 01 xe cải tiến bánh hơi dựng gần cửa hàng thế giới điện máy Media Mart, không có người trông coi. B dừng xe lại, còn V ngồi sau xuống xe đi đến trộm cắp chiếc xe cải tiến kéo ra chỗ B đợi. Sau đó, B lái xe, V ngồi sau kéo xe cải tiến đi. Trên đường về, khi đi qua thôn B, xã C, các bị cáo tiếp tục phát hiện thấy trước cửa nhà anh Nguyễn Văn T tại thôn B, xã C, huyện L để các tấm sắt đan (loại sắt TISCO Thái Nguyên, phi 8 và phi 12 để làm nắp cống thoát nước, kích thước (55x93)cm để ở cửa nhà, giáp với đường liên xã. Quan sát thấy không có người trông coi, B đỗ xe lại sau đó cùng V vào trộm cắp các tấm sắt đan khiêng đặt lên thùng xe cải tiến. Trộm cắp xong, B lái xe, V ngồi sau kéo xe cải tiến chở các tấm sắt đan trộm cắp được đi đến cửa hàng thu mua phế liệu của anh Nguyễn Bá H ở thôn M, xã C, huyện L bán cho anh H được tổng trọng lượng 170kg sắt và được anh H trả 1.500.000 đồng. Số tiền này, B và V chia nhau ăn tiêu cá nhân hết.

Đối với chiếc xe cải tiến bánh hơi B và V trộm cắp tại phố S, xã P, do không tiêu thụ được nên ngay sau đó các bị cáo đã kéo đi và bỏ lại tại khu vực trước cổng Nghĩa trang liệt sỹ xã C, huyện L.

Ngày 14/12/2021, anh Nguyễn Văn T có đơn trình báo cơ quan Công an về việc bị mất trộm các tấm sắt đan làm nắp cống thoát nước.

Cơ quan điều tra đã yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lục Nam định giá số tài sản mà B và V đã trộm cắp.

Bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lục Nam ngày 16/12/2021 kết luận: 170kg sắt dùng trong xây dựng, đã được đan thành các tấm đan thành phẩm có kích thước (55*93)cm, (bao gồm sắt phi 8 và phi 12), không xác định được trọng lượng từng loại. Có giá: $(170\text{kg} * 18.000\text{đ/kg}) = 3.060.000$ đồng.

Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra, xác minh tại gia đình anh Nguyễn Bá H. Anh H khai có mua 170kg sắt (không rõ số lượng bao nhiêu tấm sắt đan) của B và V vào ngày 14/12/2021. Khi bán B và V nói với anh H là sắt của gia đình không dùng nên mang đi bán. Anh H không biết số sắt mua của B và V là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Về vật chứng vụ án: Đối với 170 kg sắt anh H đã mua của B và V ngày 14/12/2021, anh H đã bán cho một người không rõ tên, tuổi địa chỉ nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn T yêu cầu bị cáo B và V bồi thường 3.660.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 00 giờ 20 phút ngày 15/12/2021, B và V gặp nhau tại khu vực đầu cầu Lục Nam và tiếp tục rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Trước khi đi, B mang theo 01 kim cắt sắt, mục đích để cắt khóa cửa trộm cắp tài sản. B điều khiển xe mô tô BKS 98F9 - **** chở V đi vào khu vực thôn T, xã N thì phát hiện thấy gia đình anh Trương Quốc Đ có để 01 xe kéo cải tiến bánh hơi ở sân trước cửa nhà kho, không khóa cổng. B dừng xe, còn V xuống xe mở cổng vào trộm cắp chiếc xe kéo cải tiến. Sau đó, B lái xe, V ngồi sau kéo xe cải tiến đi, khi đi đến cửa hàng thu mua phế liệu, sắt vụn của anh Nguyễn Văn V ở thôn N, xã N, thấy khóa cửa ngoài, bên trong không có người trông coi và có để nhiều sắt vụn, phế liệu. B đỗ xe lại, V xuống xe dùng đèn pin soi, B dùng kim cộng lực mang theo cắt khóa cửa. Sau khi cắt được khóa cửa, V đẩy xe kéo cải tiến vừa trộm cắp được của anh Đ vào trong cửa hàng rồi cùng B khiêng các đồ phế liệu sắt vụn để lên thùng xe cải tiến sau đó lấy dây dứa buộc số sắt vụn lại. Trộm cắp xong, B và V dùng xe cải tiến mang số sắt vụn, phế liệu trộm cắp được đi ra khỏi nhà anh V. Khi B và V đi đến khu vực thôn M, xã C thì bị tổ tuần tra của Công an huyện Lục Nam phát hiện lập B bản làm việc, sau đó đưa về trụ sở Công an xã C làm việc. Tại Công an xã C, B và V xin đầu thú và khai nhận hành vi trộm cắp ngày 15/12/2021 và hành vi trộm cắp ngày 14/12/2021 như đã nêu trên.

Công an huyện Lục Nam đã thu giữ vật chứng gồm: 01 xe kéo cải tiến bánh hơi; 01 xe mô tô mang BKS 98F9 - ****; 01 kim cắt sắt, nhựa ốp tay cầm màu xanh, dài 46 cm; 01 chiếc đèn pin bằng nhựa, vỏ màu xanh; xác định tổng trọng lượng sắt phế liệu mà B và V trộm cắp để trên xe kéo cải tiến là 282,5kg.

Ngày 15 và 16/12/2021, anh Nguyễn Văn V và anh Trương Quốc Đ, đã có đơn trình báo đến Công an huyện Lục Nam.

Cơ quan điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường tại cửa hàng thu mua phế liệu của anh Nguyễn Văn V ở thôn N, xã N, huyện L. Quá trình khám nghiệm thu giữ: 01 ổ khóa nhãn hiệu Việt Pháp màu đen; 01 thanh sắt hình chữ U kích thước (5x4)cm bị cắt, bờ mép nham nhở.

Cơ quan điều tra đã yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lục Nam định giá số tài sản mà B và V đã trộm cắp.

Bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lục Nam ngày 22/12/2021 kết luận: Giá thu mua sắt vụn, phế liệu tại thời điểm định giá: Sắt có giá 9.500 đồng/kg; 282,5 kg phế liệu (sắt vụn) có giá $(282,5\text{kg} * 9.500\text{đ/kg}) = 2.683.700$ đồng.

Bản kết luận định giá tài sản ngày 12/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lục Nam kết luận: 01 chiếc xe cải tiến (dạng xe hai bánh hơi), khung xe làm bằng kim loại, thùng xe làm bằng kim loại được bịt kín xung quang bằng tôn, mua mới vào năm 2019. Ước giá trị còn lại 70%. Thành tiền là $(2.500.000\text{đ} * 70\%) = 1.750.000$ đồng.

Ngày 14/01/2022, Cơ quan điều tra đã trả lại 282,5kg phế liệu sắt vụn cho anh Nguyễn Văn V; trả lại chiếc xe kéo cải tiến bánh hơi cho anh Trương Quốc Đ.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh V và anh Đ đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu bị cáo B, V phải bồi thường về dân sự.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha mang BKS 98F9-**** các bị cáo dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. B khai là xe của B mua của một người không rõ tên, tuổi, địa chỉ với giá 2.000.000 đồng, khi mua bán, hai bên không làm giấy tờ. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa làm rõ được nguồn gốc hợp pháp của chiếc xe này (số khung, số máy không phải là xe có biển kiểm sát 98F9-****). Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Vật chứng vụ án gồm: 01 kìm cắt sắt bằng kim loại, nhựa ốp cầm tay màu xanh, dài 46cm; 01 thanh sắt hình dạng chữ U kích thước (5x4) cm; 01 khóa nhãn hiệu Việt Pháp màu đen và 01 chiếc đèn pin chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý.

Trong vụ án này, B và V có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe kéo cải tiến bánh hơi tại khu vực phố S, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang ngày 14/12/2021. Cơ quan điều tra đã thông báo truy tìm người bị hại và truy tìm vật chứng nhưng chưa xác định được bị hại và không thu hồi được vật chứng. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ sẽ xử lý sau.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo B và V khai báo thành khẩn toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Bản Cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 02/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã truy tố bị cáo Đỗ Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Văn V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo B và bị cáo V thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội trong các ngày 14 và 15/12/2021 như Cáo trạng truy tố. Các bị cáo thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã truy tố đúng người, đúng tội; các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt mức án thấp nhất theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn B và bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Đỗ Văn B từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 15/12/2021).

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn V từ 12 tháng đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 15/12/2021).

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn V và anh Trương Quốc Đ đều đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T yêu cầu bị cáo B và bị cáo V phải bồi thường số tiền 3.660.000 đồng là tiền mua 170 kg sắt và tiền công làm ra các tấm sắt đan thành phẩm là có căn cứ. Do vậy, cần buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho Anh T số tiền 3.660.000 đồng (trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường cho Anh T số tiền 1.830.000 đồng).

Về xử lý vật chứng: 01 kìm cắt sắt bằng kim loại, nhựa ốp cầm tay màu xanh, dài 46cm; 01 thanh sắt hình dạng chữ U kích thước (05x04)cm; 01 ổ khóa nhãn hiệu Việt Pháp màu đen; 01 chiếc đèn pin bằng nhựa, vỏ màu xanh, nút công tắc màu đỏ, trên vỏ ghi dòng chữ 1W 2021 (9.11) GP-388. Đây đều là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội và không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Bị cáo Đỗ Văn B và bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định.

Bị cáo Đỗ Văn B tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về việc truy tố bị cáo theo khoản 2 Điều 173 với tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm là không đúng và mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo nặng.

Bị cáo Nguyễn Văn V tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo nặng.

Bị hại không có ý kiến gì tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và bản luận tội đối với các bị cáo.

Lời nói sau cùng: Bị cáo B và bị cáo V xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hội đồng xét xử xét thấy hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại là anh Nguyễn Văn V, anh Trương Quốc Đ vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến kết quả xét xử. Căn cứ quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo B và bị cáo V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng thu được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đã có đủ cơ sở kết luận:

Đỗ Văn B và Nguyễn Văn V là những đối tượng đã có tiền án, tiền sự về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Trong các ngày 14 và 15/12/2021, B và V đã cùng nhau thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Lục Nam. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Ngày 14/12/2021, B và V đến nhà anh Nguyễn Văn T ở thôn B, xã C, huyện L trộm cắp các tấm sắt đan (loại sắt TISCO Thái Nguyên, phi 8 và phi 12 dùng làm nắp cống thoát nước, kích thước (55x93)cm) để trước cửa nhà, tổng trọng lượng 170kg, có trị giá 3.060.000 đồng.

Vụ thứ hai: Ngày 15/12/2021, B và V đến nhà anh Trương Quốc Đ ở thôn T, xã N, huyện L trộm cắp 01 chiếc xe kéo cải tiến bánh hơi, trị giá 1.750.000 đồng; Ngay sau khi trộm cắp tài sản nhà anh Đ xong, B và V tiếp tục đến cửa hàng thu mua phế liệu, sắt vụn của anh Nguyễn Văn V ở thôn N, xã N, huyện L trộm cắp 282,5kg phế liệu sắt vụn, trị giá 2.683.700 đồng.

Tổng trị giá tài sản B và V trộm cắp là 7.493.700 đồng.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, hành vi của bị cáo V đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị cáo B đã tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích nhưng vẫn cố ý phạm tội, do vậy hành vi của bị cáo B là tái phạm nguy hiểm đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam và bản Luận tội của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo Đỗ Văn B và bị cáo Nguyễn Văn V là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tính chất, hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, để có tiền ăn tiêu cá nhân các bị cáo đã xâm phạm bất hợp pháp đến tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo đều là những đối tượng có nhân thân xấu, đã có tiền án, tiền sự và phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích. Do vậy, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức hình phạt phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo.

- Đánh giá vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo phạm tội không có tổ chức chỉ là đồng phạm giản đơn. Các bị cáo cùng rủ nhau đi trộm cắp tài sản và cùng thực hiện hành vi trộm cắp rồi đem tài sản đi tiêu thụ. Vì vậy vai trò của hai bị cáo trong vụ án là ngang nhau.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo B và bị cáo V 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, lần thứ nhất trộm cắp tài sản trị giá 3.060.000 đồng, lần thứ hai trộm cắp tài sản trị giá 4.433.700 đồng, nên cả 02 bị cáo đều phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo V phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích nên phải chịu thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo B đã tái phạm nguy hiểm chưa được xóa án tích xác định là dấu hiệu định khung hình phạt nên bị cáo B không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm nguy hiểm”.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo B và bị cáo V khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Ngày 15/12/2021, khi bị phát hiện cả 02 bị cáo đã đầu thú và tự nguyện khai nhận về hành vi phạm tội đã thực hiện các ngày 14 và 15/12/2021. Tại phiên tòa bị hại là anh Nguyễn Văn T xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do vậy, bị

cáo B và bị cáo V được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân xấu, đã có nhiều tiền án, tiền sự.

Bị cáo B: Năm 2007 bị TAND huyện Lục Nam xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; năm 2008 bị Công an thành phố Bắc Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo đã chấp hành xong bản án, quyết định xử phạt hành chính và đã được xóa án tích.

Bản án số 230/2011/HSST ngày 20/10/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, xử phạt Đỗ Văn B 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, phạt bổ sung 5.000.000 đồng, B chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/12/2013, chấp hành xong án phí và hình phạt bổ sung ngày 28/11/2017. Nhưng sau đó bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” bị Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xử phạt 10 tháng tù theo Bản án số 89/2017/HSST ngày 27/12/2017, lần này bị cáo phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích và thuộc trường hợp tái phạm. Sau đó B tiếp tục phạm tội nhiều lần khác đều trong thời gian chưa được xóa án tích và bị xét xử thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Bản án số 38/2018/HS-ST ngày 22/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xử phạt B 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt với 32 tháng tù của bản án số 29/2018/HS-ST ngày 06/7/2018, B phải chấp hành hình phạt chung là 44 tháng tù, ngày 07/5/2021 B chấp hành xong hình phạt tù. B chưa được xóa án tích đối với Bản án này, đây là tiền án của bị cáo và là tình tiết để xác định hành vi phạm tội của bị cáo lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Bị cáo V: Bản án số 26/2011/HSST ngày 20/4/2011 của TAND huyện Lục Nam xử phạt 36 tháng tù và phạt bổ sung 5.000.000 đồng về tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/12/2013 nhưng đến nay chưa chấp hành hình phạt bổ sung. Do vậy, lần phạm tội này của bị cáo chưa được xóa án tích. Hội đồng xét xử xác định đây là tiền án của bị cáo.

Bản án số 05/2015/HSST ngày 22/01/2015 của TAND huyện Lục Nam xử phạt 42 tháng tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/02/2018, chấp hành xong án phí ngày 01/4/2015. Căn cứ Điều 70 Bộ luật Hình sự bị cáo V đương nhiên xóa án tích đối với Bản án số 05/2015/HSST ngày 22/01/2015 và Hội đồng xét xử xác định là nhân thân của bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo B và bị cáo V đều không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định và không có tài sản riêng nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn V và anh Trương Quốc Đ đều đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T yêu cầu bị cáo B và bị cáo V phải bồi thường số tiền 3.660.000 đồng (trong đó: 3.060.000 đồng tiền mua 170kg sắt và 600.000 đồng tiền công làm ra các tấm sắt đan thành phẩm). Xét thấy các tấm sắt đan (loại sắt TISCO Thái Nguyên, phi 8 và phi 12, kích thước (55x93)cm B và V trộm cắp của Anh T, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lục Nam kết luận: 170kg sắt dùng trong xây dựng, đã được đan thành các tấm đan thành phẩm có kích thước (55x93)cm (bao gồm sắt phi 8 và phi 12), không xác định được trọng lượng từng loại. Tổng giá trị tài sản là 3.060.000 đồng. Anh T đã phải thuê nhân công hết 600.000 đồng để làm thành các tấm sắt đan thành phẩm (Bút lục số 293). Tại phiên tòa bị cáo B và bị cáo V nhất trí bồi thường theo yêu cầu của Anh T. Vì vậy, cần chấp nhận sự thỏa thuận của các bị cáo và bị hại, yêu cầu của Anh T có căn cứ chấp nhận, cần buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho Anh T số tiền 3.660.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 kim cắt sắt bằng kim loại, nhựa ốp cầm tay màu xanh, dài 46cm; 01 thanh sắt hình dạng chữ U kích thước (05x04)cm; 01 ổ khóa nhãn hiệu Việt Pháp màu đen; 01 chiếc đèn pin bằng nhựa, vỏ màu xanh, nút công tắc màu đỏ, trên vỏ ghi dòng chữ 1W 2021 (9.11) GP-388. Đây đều là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội và giá trị không đáng kể nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Những vấn đề khác:

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha mang biển kiểm sát 98F9-***** các bị cáo sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. B khai là xe của B mua của một người không rõ tên, tuổi, địa chỉ với giá 2.000.000 đồng, khi mua bán hai bên không làm giấy tờ. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa làm rõ được nguồn gốc hợp pháp của chiếc xe này (số khung, số máy không phải là xe có biển kiểm sát 98F9-*****). Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp.

- Đối với 01 chiếc xe kéo cải tiến bánh hơi do B và V trộm cắp tại khu vực phố S, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang ngày 14/12/2021. Cơ quan điều tra đã thông báo truy tìm người bị hại và truy tìm vật chứng nhưng chưa xác định được bị hại và không thu hồi được vật chứng. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ xử lý sau là phù hợp.

- Đối với anh Nguyễn Bá H là người mua 170kg sắt của B và V ngày 14/12/2021. Do B và V nói với anh H là sắt của gia đình không dùng đến nên mang đi bán. Anh H không biết số sắt thu mua của B và V là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ

[9] Về án phí: Bị cáo Đỗ Văn B và bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[11] Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn B 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 15/12/2021).

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 15/12/2021).

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

Buộc các bị cáo Đỗ Văn B và Nguyễn Văn V phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 3.660.000 đồng (trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường cho Anh T số tiền 1.830.000 đồng).

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 kim cắt sắt bằng kim loại, nhựa ốp cầm tay màu xanh, dài 46cm; 01 thanh sắt hình dạng chữ U kích thước (05x04)cm; 01 ổ khóa nhãn hiệu Việt Pháp màu đen; 01 chiếc đèn pin bằng nhựa, vỏ màu xanh, nút công tắc màu đỏ, trên vỏ ghi dòng chữ 1W 2021 (9.11) GP-388.

Những vật chứng nêu trên lưu giữ tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; có đặc điểm như B bản giao nhận vật chứng ngày 21/3/2022 giữa Cơ quan điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị Đỗ Văn B và bị cáo Nguyễn Văn V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí HSST và 300.000 đồng tiền án phí DSST.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Công an huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Sâm